TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày: 21-03-2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Cúc;

2. Ông Nguyễn Văn Thả.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2022/TLST-DS ngày 26-10-2022 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 18, khu phố 3, thị trấn T, huyện C, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh N. Theo văn bản uỷ quyền ký ngày 19-8-2022.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 18, khu phố 3, thị trấn T, huyện C, tỉnh N.

Bà T, ông L vắng mặt bà Mai, bà D có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-8-2022, *cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày:*

Bà Vũ Thị T làm chủ hụi, bà D tham gia hụi, vay tiền của bà T. Bà D tham gia 02 dây hụi như sau: Dây hụi thứ nhất 2.000.000 đồng/tháng khui ngày 20-12-2020, gồm 20 phần, tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ thứ 3 được số tiền 31.500.000 đồng, còn nợ 15 kỳ hụi chết là 30.000.000 đồng; dây hụi mãn vào ngày 20-9-2022; dây hụi thứ hai 2.000.000 đồng/tháng khui ngày 25-4-2021, gồm 20 phần, tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ thứ 1 được số tiền 29.020.000 đồng, còn nợ 17 kỳ hụi chết là 34.000.000 đồng; dây hụi mãn vào ngày 25-11-2022. Tổng cộng còn nợ tiền hụi 64.000.000 đồng. Khi hốt hụi, bà D có ký giấy hụi cho bà T 02 biên nhận giao hụi do bà T viết bà D ký tên.

Ngày 15-11-2021, bà T cho bà D vay số tiền 30.000.000 đồng có viết giấy do bà D viết, ký tên.

Bà T đòi nợ nhiều lần nhưng bà D, ông L không trả.

Theo đơn khởi kiện ngày 19-8-2022, bà T yêu cầu bà D và ông L trả tiền hụi 64.000.000 đồng; tiền vay 30.000.000 đồng; tiền lãi của tiền vay tính từ ngày vay tạm tính là 2.241.000 đồng; không yêu cầu trả tiền lãi của tiền hụi.

Ngày 02-3-2023, bà Vũ Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi chỉ tính tiền lãi từ ngày tranh chấp là ngày 19-8-2022 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Nay bà T yêu cầu bà D và ông L trả tiền hụi 64.000.000 đồng; tiền vay 30.000.000 đồng; tiền lãi của tiền vay từ ngày tranh chấp là ngày 19-8-2022 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng; không yêu cầu trả tiền lãi của tiền hụi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Bà Vũ Thị T làm chủ hụi, bà D tham gia hụi của bà T. Bà D tham gia 02 dây hụi và còn nợ tiền hụi chết như bà T trình bày là 64.000.000 đồng. Khi hốt hụi bà D có ký 02 biên nhận giao hụi do bà T viết bà D ký tên và tự ký tên ông L.

Ngày 15-11-2021, bà D có viết và ký tên giấy nợ cho bà T số tiền 30.000.000 đồng nhưng bà D không trực tiếp vay tiền của bà T, do bà D không đóng tiền hụi cho bà T nhiều lần tính đến ngày 15-11-2021 từ tháng 6 đến tháng 11 là 5 tháng là 20.000.000 đồng đối với 02 dây hụi trên và 10.000.000 đồng các khoản nợ khác. Bà T yêu cầu bà D viết giấy nợ 30.000.000 đồng lãi suất 4%/tháng, đã trả được 02 tháng là 2.400.000 đồng.

Chồng bà D tên Nguyễn Thành L, sinh năm 1978 sống cùng nhà với bà D, hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn từ năm 2004, chồng bà D không biết việc bà D tham gia hụi, vay tiền với bà T.

Bà T yêu cầu bà D và ông L trả tiền hụi 64.000.000 đồng; tiền vay 30.000.000 đồng; tiền lãi của tiền vay từ ngày tranh chấp là ngày 19-8-2022 đến

ngày xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng; không yêu cầu trả tiền lãi của tiền hụi. Khoản nợ này chồng bà D không biết, bà D đồng ý trả cho bà T 64.000.000 đồng tiền hụi, 10.000.000 đồng tiền vay, không đồng ý trả 20.000.000 đồng và tiền lãi.

Ông Nguyễn Thành L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bà Vũ Thị T là nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Mai, bà Nguyễn Thị Kim D vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Thành L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bà Vũ Thị T, bà Đỗ Thị Mai, bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Thành L.

Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà D và ông L trả cho bà T số tiền hụi và tiền vay, tổng cộng 94.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Đình chỉ yêu cầu về một phần tiền lãi của số tiền vay.

Án phí: Bà D và ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị T là nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị Mai, bà Nguyễn Thị Kim D vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Thành L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bà Vũ Thị T, bà Đỗ Thị M, bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Thành L.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Bà Vũ Thị T làm chủ hụi, bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành L tham gia hụi, vay tiền của bà T. Bà D tham gia 02 dây hụi và còn nợ lại tiền hụi chết là 64.000.000 đồng, bà D ký tên 02 giấy giao tiền hụi cho bà T bà T và bà D đều thống nhất như trên. Ngoài ra, ngày 15-11-2021,

bà T cho bà D vay số tiền 30.000.000 đồng có viết giấy do bà D viết, ký tên. Bà D đồng ý trả cho bà T 64.000.000 đồng tiền hụi, 10.000.000 đồng tiền vay, không đồng ý trả 20.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi do 20.000.000 đồng đã tính trong 64.000.000 đồng tiền hụi. Căn cứ vào 02 biên nhận giao hụi ngày 25-02-2020 và ngày 30-4-2021, giấy vay tiền ngày 15-11-2021 ngoài ra bà D không cung cấp được chứng cứ nào khác. Do vậy, lời trình bày của bà D không có căn cứ để chấp nhận. Bà D tham gia hụi và vay tiền của bà T nhằm mục đích sử dụng cho cá nhân và sinh hoạt gia đình; bà D và ông L vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn từ năm 2004, sống cùng nhà với nhau nên ông L cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà T.

[3] Về tiền lãi: Bà Vũ Thị T yêu cầu trả tiền lãi của tiền vay 30.000.000 đồng tính từ ngày tranh chấp là ngày 19-8-2022 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng của số tiền vay là 30.000.000 đồng x 0,83% x 07 tháng 02 ngày = 1.759.600 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận; bà Vũ Thị T không yêu cầu trả tiền lãi của tiền hụi nên ghi nhận.

[4] Ngày 02-3-2023, bà Vũ Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi chỉ tính tiền lãi từ ngày tranh chấp là ngày 19-8-2022 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng (30.000.000 đồng x 0,83% x 07 tháng 02 ngày = 1.759.600 đồng) là tự nguyện nên đình chỉ phần rút yêu cầu của bà T (2.241.000 đồng – 1.759.600 đồng = 481.400 đồng).

[5] Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành L có có nghĩa vụ trả bà Vũ Thị T số tiền hụi 64.000.000 đồng; tiền vay 30.000.000 đồng; tiền lãi của tiền vay 1.759.600 đồng; ghi nhận bà T không yêu cầu trả tiền lãi của tiền hụi.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đối với bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi nên bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đối với bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành L về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành L có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị T số tiền hụi 64.000.000 (sáu mươi bốn triệu) đồng; tiền vay

30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; tiền lãi 1.759.600 (một triệu bảy trăm năm mươi chin nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày bà Vũ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành L chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành L phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là 481.400 (bốn trăm T mươi mốt nghìn bốn trăm) đồng.

2. Chi phí tố tụng:

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 4.790.000 (bốn triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị T không phải chịu tiền án phí, bà Vũ Thị T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1à 2.406.000 (hai triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007643 ngày 26-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự (bà Vũ Thị T, bà Đỗ Thị M, bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Thành L) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ xét xử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Thu